

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Minh Tiến.

Ông Trần Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Kệ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị C, sinh năm 1974 (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1968 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 8 năm 2018 và tại phiên tòa, bà Trương Thị C trình bày: Vào năm 1995 bà và ông Lê Hữu Đ chung sống như vợ chồng, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp và thường xuyên tranh cãi với nhau. Từ đó, giữa vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau và không còn sống chung từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hữu Đ. Về con chung, có ba người tên là Lê Hữu A (giới tính nam), sinh năm 1996; Lê Thị Ngọc B (giới tính nữ), sinh năm 1998 và Lê Hữu C (giới tính nam), sinh ngày 04 tháng 9 năm 2003. Đối với Lê Hữu A và Lê Thị Ngọc B đã thành niên và có

khả năng tự lao động nên không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu giao Lê Hữu C cho ông Lê Hữu Đ tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung là không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lê Hữu Đ trình bày: Về thời gian chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian không còn sống chung đúng như bà Trương Thị C đã khai. Nay ông muốn đoàn tụ gia đình nên ông không đồng ý ly hôn với bà Trương Thị C. Con chung, đúng như bà Trương Thị C đã trình bày, ông chấp nhận tiếp tục nuôi Lê Hữu C, ông không yêu cầu bà Trương Thị C cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung là không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Lê Hữu Đ và bà Trương Thị C xác định là vợ chồng còn có tài sản chung và nợ chung, do nhờ người khác vay tiền, nhận cổ đất. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án thì giữa vợ chồng có thỏa thuận với nhau trước về tài sản và nợ nên thống nhất khai báo là không có tài sản chung và nợ chung. Nhưng hiện tại, do các bên không thỏa thuận được nên yêu cầu Tòa án xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận bà Trương Thị C và ông Lê Hữu Đ là vợ chồng. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung. Đề nghị tách yêu cầu về tài sản chung và nợ chung để giải quyết bằng vụ án khác. Về án phí buộc bà Trương Thị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc Bà Trương Thị C xin ly hôn ông Lê Hữu Đ là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, bà Trương Thị C và ông Lê Hữu Đ sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa bà Trương Thị C và ông Lê Hữu Đ vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào quy định tại điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà Trương Thị C và ông Lê Hữu Đ không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Trương Thị C và ông Lê Hữu Đ không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung, có ba người tên là Lê Hữu A, sinh năm 1996; Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1998 và Lê Hữu C, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2003. Đối với Lê Hữu A và Lê Thị Ngọc B đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không đặt ra xem xét. Riêng đối với Lê Hữu C hiện do ông Lê Hữu Đ nuôi dưỡng. Bà Trương Thị C và ông Lê Hữu Đ thống nhất thỏa thuận giao Lê Hữu C cho ông Lê Hữu Đ tiếp tục nuôi, bà Trương Thị C không cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa bà Trương Thị C và ông Lê Hữu Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con

chưa thành niên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đúng theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó, công nhận sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa bà Trương Thị C và ông Lê Hữu Đ là có căn cứ.

[4] Bà Trương Thị C và ông Lê Hữu Đ xác định là tài sản chung và nợ chung là không có. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Lê Hữu Đ và bà Trương Thị C xác định là vợ chồng còn có tài sản chung và nợ chung, do nhờ người khác vay tiền, nhận cổ đất. Do có thỏa thuận với nhau trước về tài sản và nợ nên thống nhất khai báo là không có tài sản chung và nợ chung. Nhưng hiện tại, do các bên không thỏa thuận được nên yêu cầu Tòa án xem xét. Yêu cầu của ông Lê Hữu Đ và bà Trương Thị C phát sinh tại phiên tòa, sau khi Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên yêu cầu của ông Lê Hữu Đ và bà Trương Thị C không được chấp nhận để xem xét, giải quyết trong vụ án này mà giao cho ông Lê Hữu Đ và bà Trương Thị C và những người có liên quan tự thỏa thuận, nếu các bên không tự thỏa thuận được thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định chung của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Trương Thị C chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận bà Trương Thị C và ông Lê Hữu Đ là vợ chồng.

2. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Ông Lê Hữu Đ chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Lê Hữu C (giới tính nam), sinh ngày 04 tháng 9 năm 2003. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Hữu Đ không yêu cầu bà Trương Thị C cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trương Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Giao cho ông Lê Hữu Đ và bà Trương Thị C và những người có liên quan đến tài sản và nợ chung để tự thỏa thuận, nếu các bên không tự thỏa thuận được thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định chung của pháp luật.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Trương Thị C phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo

biên lai thu số 0007284, ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, bà Trương Thị C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Trương Thị C và ông Lê Hữu Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương